| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 361/2023/DS-PT
Ngày 27 tháng 7 năm 2023
*"Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu huỷ quyết định cá biệt"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
*Các Thẩm phán*: Ông Vũ Minh Tuấn;
Ông Đặng Văn Hưng.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Hà Lê Giang, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà***: Ông Đỗ Văn Hữu, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023 về việc: "Tranh chấp chia di sản thừa kế và huỷ quyết định cá biệt". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2022/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7923/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Võ Minh P, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; có mặt.

***- Bị đơn:***

1. Ông Võ Như H, sinh năm 1936; vắng mặt.
2. Anh Võ Như H1, sinh năm 1965; có mặt.
3. Chị Nguyễn Thị Kim H2, sinh năm 1968; có mặt.

Cùng có địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

*Người đại diện của ông Võ Như H:* Anh Võ Như N, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

*Người đại diện theo uỷ quyền của ông Võ Như H1:* Công ty L5, Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: Tầng E, tòa nhà B, số B Q, quận H, thành phố Hà Nội.

*Người được uỷ quyền lại:* Bà Nguyễn Thị H3, bà Trần Thị Minh A, ông Nguyễn Thành T; đều là Luật sư Công ty L5, Đoàn Luật sư thành phố H; vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H1, chị H2:* Ông Phan Công T1, Luật sư Công ty L5, Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. UBND huyện N, tỉnh Nghệ An.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Anh Nguyễn Thế H4; chức vụ: Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Văn H5; chức vụ: Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1955; vắng mặt.

4. Anh Võ Thanh L, sinh năm 1982; vắng mặt.

5. Anh Võ Chí G, sinh năm 1984; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

6. Chị Võ Thị H6, sinh năm 1986; địa chỉ: Số F, tổ C, khu phố E, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị T2, anh Võ Thanh L, anh Võ Chí G, chị Võ Thị H6:* Anh Võ Minh P, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; có mặt.

7. Anh Võ Văn L1, sinh năm 1970; có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1974; vắng mặt.

Cùng có địa chỉ: Xóm K, xã N, huyện N, Nghệ An.

9. Anh Võ Như N, sinh năm 1979; có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1978; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

11. Chị Võ Thị L3, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm E, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

12. Chị Võ Thị T3, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Võ Thị T3:* Anh Võ Như N, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xét xử vắng mặt.

13. Chị Trần Thị H7, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

14. Anh Võ Thanh H8, sinh năm 1982; nơi ĐKHKTT: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; địa chỉ hiện nay: 28-5, G, T, C, T4 (Đài Loan); vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Võ Thanh H8:* Chị Trần Thị H7, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An và anh Võ Văn L1, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm K, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; đều vắng mặt.

15. Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1986; vắng mặt.

16. Chị Trần Thị Khánh H9, sinh năm 1988; vắng mặt.

Cùng có nơi ĐKHKTT: Xóm H, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; địa chỉ hiện

nay: 618-2, Y-dong, Y-gu, I-si, Hàn Quốc.

*Người đại diện theo uỷ quyền của anh Nguyễn Văn T5 và chị Trần Thị Khánh H9:* Bà Trần Thị T6, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; có đơn xin xét xử vắng mặt.

***- Người kháng cáo:*** Bị đơn anh Võ Như H1.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai các đương sự và bản án sơ thẩm,vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

*- Nguyên đơn anh Võ Minh P trình bày:*

Anh là cháu nội của cụ Võ Văn N1 (chết năm 1980) và cụ Hoàng Thị X (chết năm 1990); hai cụ chết không để lại di chúc và cũng không có khoản nợ nào. Hai cụ có 03 người con chung gồm: 1. Ông Võ Như H, vợ là bà Nguyễn Thị H10 (chết năm 2010), có 06 người con chung là: Võ Như H1, Võ Văn L1, Võ Thị L3, Võ Như N, Võ Thị T3, Võ Thanh H8; 2. Ông Võ Văn H11 (chết tháng 4/1990), vợ là bà Hoàng Thị T2, có 04 người con chung là: Võ Minh P, Võ Thanh L, Võ Chí G, Võ Thị H6; 3. Ông Võ Văn Đ (liệt sỹ hi sinh năm 1972, chưa có vợ con).

Khi còn sống cụ N1, cụ X ở trên thửa đất số 57, tờ bản đồ số 23, tại xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (sau đây gọi là thửa số 57); thửa đất này 02 cụ cho ông H sử dụng và hiện nay ông H và các con đang sử dụng; còn 02 cụ xin thêm một thửa đất khác là thửa số 66, tờ bản đồ số 23 tại xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (sau đây gọi là thửa số 66) và 02 cụ ở cùng gia đình ông Võ Văn H11 trên thửa đất này; trước khi chết 02 cụ đã cho gia đình bố anh là ông Võ Văn H11 thửa đất này. Năm 1988, anh Võ Như H1 là con của ông Võ Như H lấy vợ nên đã xin gia đình ông Võ Văn H11 ở nhờ. Khi thực hiện Nghị định 64/CP, anh H1 cùng vợ là chị H2 đã tự ý làm thủ tục kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) đối với thửa số 66 và ngày 12/10/2016 được cấp đổi GCNQSDĐ; do đó anh khởi kiện yêu cầu:

1. Hủy GCNQSDĐ số CD 951035, số vào sổ CH 02225/QĐ 6218/2016 ngày 12/10/2016 đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23, diện tích 964,9m$^2$, địa chỉ tại xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An do UBND huyện N cấp cho anh Võ Như H1 và chị Nguyễn Thị Kim H2.

2. Hủy GCNQSDĐ số CQ 407063, số vào sổ CH 03088/2019 ngày 29/01/2019 đối với thửa số 57, tờ bản đồ số 23, diện tích 1.148,6m$^2$, địa chỉ tại xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An do UBND huyện N cấp cho ông Võ Như H.

3. Buộc anh Võ Như H1 trả lại cho nguyên đơn và các đồng thừa kế của cụ N1, cụ X thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23.

4. Chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Võ Văn N1 và cụ Hoàng Thị X để lại, gồm: Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 23, diện tích 1.148,6m$^2$ và thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23, diện tích 964,9m$^2$ tại xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

*- Bị đơn anh Võ Như H1, chị Nguyễn Thị Kim H2 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:*

Thừa nhận về lý lịch ông bà nội, các con, cháu của ông bà nội, thời điểm người đã chết như nguyên đơn trình bày là đúng.

Cụ N1, cụ X kết hôn ở trên thửa đất do tổ tiên để lại là thửa đất số 57, tờ bản đồ số 23 tại xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An; năm 1962 bố mẹ anh H1 kết hôn ở cùng ông bà nội. Năm 1968 ông bà nội để lại thửa đất trên cho bố mẹ anh H1 sinh sống và ra khai hoang thửa đất mới là thửa đất số 66 hiện nay cũng ở xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Năm 1969, ông bà nội đưa anh H1 ra ở cùng chăm sóc, nuôi dưỡng; năm 1988 anh H1 lấy vợ cũng về ở tại thửa đất này để chăm sóc ông bà cho đến khi ông bà chết, còn các chú sau khi lấy vợ đều ra xây nhà ở riêng. Anh H1 là cháu đích tôn nên ông bà nội đã cho vợ chồng anh thửa đất trên, việc tặng cho chỉ nói bằng miệng không có giấy tờ gì. Diện tích đất lúc ông bà nội khai hoang chỉ có 740m$^2$, sau đó vợ chồng anh chị khai hoang thêm mới được diện tích 964,9m$^2$ như hiện nay. Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 13, tại xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An đã được vợ chồng anh chị sử dụng từ trước năm 1988; năm 1997 được cấp GCNQSDĐ lần đầu, năm 2014 được cấp đổi bằng GCNQSDĐ số BV 288512, ngày 15/7/2014 và được cấp đổi lại bằng GCNQSDĐ số CD 951035, ngày 12/10/2016, diện tích 964,9m$^2$. Quá trình sinh sống, vợ chồng anh chị đã xây dựng nhà cửa ổn định từ năm 1988, không ai có ý kiến gì, hàng năm đều đóng thuế cho Nhà nước đầy đủ.

Ngày 13/3/2020, anh chị đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn T5 và chị Trần Thị Khánh H9 198,5m$^2$ đất, với giá 440.000.000 đồng; bên mua đã thanh toán 300.000.000 đồng, còn lại 140.000.000 đồng chưa thanh toán; hai bên đã bàn giao ranh giới, mốc đất và làm thủ tục đo đạc, xin cấp GCNQSDĐ nhưng phát sinh tranh chấp nên phần đất đã chuyển nhượng anh T5 và chị H9 chưa được cấp GCNQSDĐ.

Vợ chồng anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Võ Minh P vì đây là tài sản ông bà nội đã cho anh chị, đã được Nhà nước công nhận và cấp GCNQSDĐ, khi anh chị xây nhà năm 1988 và năm 2000 không ai có ý kiến phản đối. Đối với thửa đất số 57 là của cha mẹ anh H1 được ông bà nội cho từ năm 1968 nên đây là tài sản của cha mẹ anh H1, vì vậy việc định đoạt là của cha mẹ anh H1, không còn là di sản của ông bà nội nữa. Thửa đất này ông H tổ chức cuộc họp gia đình và phân chia đất cho các con, cụ thể: chia cho gia đình anh Võ Văn L1, Võ Như N, Võ Thanh H8 mỗi gia đình 200m$^2$; đã được tách thửa và được cấp GCNQSDĐ riêng; phần đất chia cho ông H đã có di chúc giao quyền cho anh H1 quản lý để thờ cúng.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Như N trình bày:*

Thửa đất số 57 là của ông Võ Như H và bà Nguyễn Thị H10 (chết năm 2010). Sau khi bà H10 chết, ông H tổ chức cuộc họp gia đình và phân chia đất cho

các con, cụ thể: chia cho gia đình anh Võ Văn L1, Võ Như N, Võ Thanh H8 mỗi gia đình 200m$^2$; đã được tách cho các gia đình nói trên và được cấp GCNQSDĐ riêng nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh P đối với thửa đất số 57 vì đây là tài sản của bố mẹ anh, không phải di sản thừa kế của cụ N1, cụ X. Đối với thửa đất số 66 thì có nguồn gốc là của cụ N1, cụ X, anh không yêu cầu chia thửa đất.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh chị Hoàng Thị V, chị Võ Thị T3, chị Võ Thị L3, anh Võ Văn L1, chị Nguyễn Thị L2, anh Võ Thanh H8, chị Trần Thị H7:*

Thống nhất như lời trình bày của anh Võ Như N và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh Võ Minh P.

*- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T5, chị Trần Thị Khánh H9 là bà Trần Thị T6 trình bày:*

Anh Nguyễn Văn T5 và chị Trần Thị Khánh H9 là con của bà. Ngày 13/3/2020 bà mua hộ cho 02 con một mảnh đất có diện tích 198,5m$^2$ thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23, tại xóm A xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An của anh Võ Như H1 và chị Nguyễn Thị Kim H2 với giá là 436.700.000 đồng, đã trả được 300.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả đầy đủ khi được cấp GCNQSDĐ, hai bên đã làm hợp đồng chuyển nhượng và làm thủ tục cấp GCNQSDĐ nhưng do thửa đất có tranh chấp nên UBND xã tạm dừng làm thủ tục chuyển nhượng và cấp GCNQSDĐ. Đề nghị giải quyết vụ án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T5, chị H9; nếu có tranh chấp anh T5, chị H9 sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện N trình bày:*

1. Đối với thửa đất của anh Võ Như H1: Năm 1997 anh H1 được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ số I 799293, diện tích 740m$^2$ thuộc thửa số 1128, tờ bản đồ số 03 (bản đồ 299); năm 2014, được cấp đổi bằng GCNQSDĐ số BV 288512, ngày 15/7/2014, diện tích 964,9m$^2$, thuộc thửa số 66, tờ bản đồ số 23 (BĐĐC); năm 2016, được cấp đổi bằng GCNQSDĐ số CD 951035, ngày 12/10/2016, diện tích 964,9m$^2$, thuộc thửa số 66, tờ bản đồ số 23 (BĐĐC).

Căn cứ phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất được thực hiện ngày 15/5/2014 và đã được UBND xã N xác nhận thì thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 03 (BĐ CT 299/TTg) nay là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23 (BĐ ĐC) đã được cấp cho anh H1 có nguồn gốc do ông Võ Như H tự khai phá từ năm 1954, đến năm 1978 chuyển toàn bộ diện tích cho anh H1 sử dụng cho đến nay. Tuy nhiên theo Báo cáo số 52/BC-UBND ngày 26/7/2021 của UBND xã N thì thửa đất này có nguồn gốc do Hợp tác xã cấp đất ở cho ông Võ Văn N1 và bà Hoàng Thị X (cố) năm 1978 sử dụng, năm 1980 ông N1 chết, năm 1986 anh H1 ra ở chung cùng với bà X và năm 1990 bà X chết. Năm 1994, thực hiện Nghị định 64/CP thì anh H1 đã có nhà ở trên đất ổn định, năm 1997 được cấp GCNQSDĐ và ở ổn định liên tục từ đó đến nay.

Báo cáo của UBND xã N phản ánh thửa đất có nguồn gốc do Hợp tác xã giao cho ông Võ Văn N1 và bà Hoàng Thị X (cố) năm 1978 chứ không phải do ông Võ Như H khai phá năm 1954 và thời điểm ông Võ Như H1 nhận thừa kế là sau năm 1990 chứ không phải năm 1978 như thông tin phiếu lấy ý kiến khu dân cư do UBND xã thực hiện ngày 15/5/2014. Căn cứ khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 quy định: Người sử dụng đất ổn định, được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét và cấp GCNQSDĐ thì năm 1997 UBND huyện N cấp GCNQSDĐ anh Võ Như H1 là đúng quy định.

Năm 2014, UBND huyện cấp đổi GCNQSDĐ cho anh Võ Như H1 với diện tích 964,9m$^2$, trong đó đất ở 200m$^2$, đất trồng cây lâu năm (đất vườn gắn liền đất ở) 764,9m$^2$ và năm 2016 xác định lại diện tích đất ở với diện tích 964,9m$^2$ cho gia đình anh Võ Như H1 là chưa đảm bảo quy định vì theo Báo cáo số 57/BC-UBND ngày 11/8/2022 của UBND xã N về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của anh Võ Như H1 thì thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23, diện tích đo đạc mới 964,9m$^2$ tăng so với diện tích đã được cấp theo Nghị định 64/CP 224,9m$^2$; nguyên nhân tăng 115,4m$^2$ do sai số khách quan qua các lần đo đạc và 109,5m$^2$ tăng do anh Võ Như H1 tự khai phá sang thửa đất phía Đông (thửa số 1124, tờ bản đồ số 03), phần diện tích này tăng năm 1998, sau thời điểm cấp GCNQSDĐ theo Nghị định 64/CP. Việc cấp đổi, xác định loại đất ở khi cấp đổi GCNQSDĐ cho anh Võ Như H1 và chị Nguyễn Thị Kim H2 là do UBND xã N đã xác định sai nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và sai mục đích sử dụng đất (phần diện tích 109,5m$^2$ đất khai hoang năm 1998, phù hợp quy hoạch sử dụng đất và chỉ được xác định là loại đất nông nghiệp không có nguồn gốc từ đất vườn).

Do đó, UBND huyện N đề nghị tuyên hủy GCNQSDĐ mang tên anh Võ Như H1 và chị Nguyễn Thị Kim H2 để cấp lại theo đúng nguồn gốc và mục đích sử dụng đất.

2. Đối với thửa đất của ông Võ Như H: Năm 1997, ông Võ Như H được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ số I 634664, số vào sổ 00236 QSDĐ, diện tích 1034m$^2$, trong đó đất ở 200m$^2$, đất vườn 834m$^2$, thuộc thửa số 1076, tờ bản đồ số 03 (Bản đồ CT299/TTg). Năm 2018, được cấp đổi bằng GCNQSDĐ đất số CQ 407063, số vào sổ CH 03088/2019 ngày 29/01/2019, trong đó đất ở 1.148,6m$^2$, thuộc thửa số 57, tờ bản đồ số 23 (BĐĐC). Năm 2019, ông Võ Như H đã tách thửa đất này thành 04 thửa, gồm: Thửa số 113, tờ bản đồ số 23, diện tích 229,3m$^2$ chuyển nhượng cho anh Võ Thanh H8, chị Trần Thị H7 và đã được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ có số phát hành CS 618091, số vào sổ CH 03247/2019 ngày 17/7/2019; Thửa số 112, tờ bản đồ số 23, diện tích 208,4m$^2$ chuyển nhượng cho anh Võ Như N, chị Hoàng Thị V và đã được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ số phát hành CS 618089, số vào sổ CH 03246/2019 ngày 17/7/2019; Thửa số 110, tờ bản đồ số 23, diện tích 200m$^2$ chuyển nhượng cho anh Võ Văn L1 và đã được đã được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ số phát hành CS 618090, số vào sổ CH

03249/2019 ngày 17/7/2019; thửa số 111, tờ bản đồ số 23, diện tích 423,4m$^2$ do ông Võ Như H sử dụng và đã được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ số phát hành CS 618092, số vào sổ CH 03245/2019 ngày 17/7/2019.

Căn cứ phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất được thực hiện ngày 26/11/2018 và đã được UBND xã N xác nhận thì thửa đất số 1076, tờ bản đồ số 03 (BĐ CT 299/TTg) nay là thửa đất số 57, tờ bản đồ số 23 (BĐ ĐC) đã được cấp cho ông Võ Như H có nguồn gốc do ông Võ Như H (cha) tự khai phá từ năm 1954, đến năm 1978 chuyển toàn bộ diện tích cho ông Võ Như H (con) sử dụng ổn định cho đến nay. Căn cứ khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 quy định: Người sử dụng đất ổn định, được UBND xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét và cấp GCNQSDĐ thì năm 1997 UBND huyện N cấp GCNQSDĐ cho ông Võ Như H là đúng quy định. Việc cấp đổi GCNQSDĐ, xác định lại diện tích đất ở cho ông Võ Như H và tách thửa chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được UBND xã N, UBND huyện N thực hiện theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

Đề nghị giải quyết, xem xét tính hợp pháp của GCNQSDĐ mang tên ông Võ Như H và tuyên hủy GCNQSDĐ mang tên anh Võ Văn H12 và chị Nguyễn Thị Kim H2 theo quy định của pháp luật.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã N, huyện N trình bày:*

Thực hiện Nghị định 64 về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình trên địa bàn xã N, trong đó có hộ anh Võ Như H1 và hộ ông Võ Như H từ năm 1997 đã được UBND xã thực hiện đúng quy trình, UBND xã đã cùng tiểu ban xóm rà soát tất cả các hộ gia đình sinh sống trên địa bàn. Ông Võ Như H và anh Võ Như H1 đã có nhà ở ổn định trên 2 thửa đất và có hộ khẩu thường trú tại xóm A, xã N nên ban thực hiện theo Nghị định 64 đã thông báo công khai, các hộ dân không có ý kiến phản hồi về hai thửa đất trên nên việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông H và anh H1 là đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai. Sau khi đo đạc bản đồ địa chính, UBND xã đã thông báo công khai, họp dân xác định nguồn gốc sử dụng đất lấy ý kiến khu dân cư, sau đó lập hồ sơ cấp đổi, trong thời gian thông báo công khai không có hộ dân nào có ý kiến về nguồn gốc thửa đất hộ ông H và hộ anh H1 là đảm bảo đúng quy định của Luật Đất đai. Sau khi cấp GCNQSDĐ cho ông Võ Như H thì ông H đã tách thửa cho các con trai là Võ Như N và chị Hoàng Thị V, Võ Văn L1 và chị Nguyễn thị L4, Võ Thanh H8 và chị Trần Thị H7 và phần diện tích còn lại mang tên ông Võ Như H; việc tách thửa chuyển nhượng cho các con được UBND xã làm đúng quy trình. Quá trình cấp GCNQSDĐ, UBND xã đã xác định nguồn gốc của 2 thửa đất như sau: Thửa đất của ông Võ Như H có nguồn gốc do ông Võ Văn N1 tự khai phá từ năm 1940 sử dụng đến năm 1978 chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích cho con trai là Võ Như H sử dụng ổn định liên tục từ đó đến nay. Thửa đất anh Võ Như H1 có nguồn gốc do Hợp tác xã cấp đất ở cho ông Võ Văn N1 và bà Hoàng Thị X năm 1978 sử dụng; năm 1980 ông Võ Văn N1 chết, năm 1986

ông Võ Như H1 ra ở chung cùng với bà Hoàng Thị X, năm 1990 bà Hoàng Thị X chết. Năm 1994 có chủ trương thực hiện Nghị định 64/CP về việc rà soát cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân đã ở ổn định trên đất thì anh Võ Như H1 đã có nhà ở ổn định, đến năm 1997 được Nhà nước cấp GCNQSDĐ và ở ổn định liên tục từ đó đến nay. Quá trình tách thửa chuyển nhượng đã họp gia đình và có văn bản phân chia tài sản đầy đủ, được các thành viên chấp nhận ký vào văn bản phân chia tài sản và hợp đồng chuyển nhượng đảm bảo đúng quy trình, quy định của luật đất đai nên đề nghị không hủy GCNQSDĐ của các hộ gia đình nói trên.

*- Kết quả định giá đất và tài sản trên đất như sau:*

1. Về đất: Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 23 tại xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An có giá 1.000.000 đồng/$m^2$; thửa đất số 66 tờ bản đồ số 23 tại xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An có giá 2.000.000 đồng/$m^2$.

2. Về tài sản trên đất:

2.1. Tài sản trên thửa đất số 57:

+ Tài sản trên thửa đất ông Võ Như H sử dụng gồm: Nhà ở số 1 trị giá 42.713.600 đồng; nhà bếp gắn với nhà số 01 trị giá 21.664.800 đồng; nhà số 02 trị giá 57.368.000 đồng; nhà thờ trị giá 24.174.600 đồng; am thờ trị giá 500.000 đồng; sân nền trị giá 3.560.000 đồng; giếng đào trị giá 948.000 đồng; bờ rào phía Tây trị giá 1.390.000 đồng; cổng sắt trị giá 891.000 đồng; 02 trụ cổng trị giá 362.000 đồng; nhà vệ sinh trị giá 1.200.000 đồng.

+ Tài sản trên thửa đất anh Võ Văn L1 sử dụng gồm: Công trình phụ và chuồng trại trị giá 0 đồng; 01 cây ổi và 01 cây chanh có quả mỗi cây trị giá 200.000 đồng; 04 cây bưởi, 02 cây ổi, 02 cây chanh, 01 cây vú sữa, 01 cây me chưa có quả, mỗi cây 100.000 đồng; 03 cây dừa, mỗi cây trị giá 250.000 đồng; 01 cây me có quả trị giá 200.000 đồng; 03 cây sanh, mỗi cây trị giá 200.000 đồng.

+ Tài sản trên thửa đất anh Võ Như N sử dụng gồm: Nhà số 4 trị giá 3.326.000 đồng/$m^2$ đồng ; nhà bán mái gắn liền với nhà số 4 trị giá 537.000 đồng/$m^2$; nhà tắm, nhà vệ sinh gắn liền với nhà số 4 trị giá 1.686.000 đồng/$m^2$; bờ tường phía sau nhà số 04 trị giá 400.000 đồng; sân, nền trị giá 1.640.000 đồng; mái tôn trị giá 4.600.000 đồng; cửa cổng trị giá 2.530.000 đồng; 02 trụ cổng có giá 1.000.000 đồng; 01 cây lộc vừng có giá 200.000 đồng.

+ Tài sản trên thửa đất anh Võ Thanh H8 sử dụng gồm: 01 cây mít có quả trị giá 250.000 đồng; 04 cây na, 02 cây bưởi, 02 cây ổi, 01 cây xoài, 01 cây táo, 01 cây cóc, 01 cây khế, 01 cây chanh trị giá 100.000 đồng/cây.

2.2. Tài sản trên thửa đất số 66: Nhà A trị giá 127.348.000 đồng; nhà B có giá 15.876.000 đồng; chuồng trại có giá 4.893.000 đồng; 01 bàn thờ thiên trị giá 300.000 đồng; bờ rào phía trước có giá 574.000 đồng; tường ngăn chuồng trại và vườn 752.000 đồng; nhà vệ sinh trị giá 2.457.000 đồng; nhà tắm trị giá 3.545.000 đồng; bể nước trị giá 275.000 đồng; nhà bếp có giá 3.132.000 đồng; bờ tường cạnh bếp trị giá 270.000 đồng; bể cá trị giá 4.648.000 đồng; sân xi măng trị giá

995.000 đồng; dàn tôn trị giá 3.115.000 đồng; trụ cổng trị giá 322.000 đồng/1 trụ; cánh cửa cổng 648.000 đồng; 05 cây xoài, bưởi, chanh có quả 200.000 đồng/cây; 01 cây mít có quả 200.000 đồng; 01 cây lộc mưng trị giá 200.000 đồng; 01 cây dừa trị giá 250.000 đồng; 01 cây cau trị giá 150.000 đồng; 01 cây bưởi nhỏ trị giá 100.000 đồng; 02 cây thanh long, mỗi cây 100.000 đồng, bạch đàn 02 cây, mỗi cây 300.000 đồng và 01 cây ổi.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm:* Nguyên đơn anh Võ Minh P rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 57 và rút yêu cầu hủy GCNQSDĐ đối với thửa đất số 57 do UBND huyện N cấp cho ông Võ Như H.

*- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2022/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định:*

Áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, 227, 228, khoản 2 Điều 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 30, 32 Luật Tố tụng hành chính; Điều 612, 613, 614, 616, 618, 623, 649, 651, 652 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: xử:

1. Đình chỉ yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 407063, số vào sổ cấp giấy CH 03088/2019 ngày 29/01/2019 đối với thửa số 57, tờ bản đồ số 23, diện tích 1.148,6 $m^2$, địa chỉ tại xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An do UBND huyện N cấp cho ông Võ Như H và yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 57, tờ bản đồ số 23, diện tích 1.148,6$m^2$ của anh Võ Minh P.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Võ Minh P về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 951035, vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02225/QĐ 6218/2016 ngày 12/10/2016, thửa số 66, tờ bản đồ số 23, diện tích 964,9$m^2$, địa chỉ tại xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An do UBND huyện N cấp cho anh Võ Như H1 và chị Nguyễn Thị Kim H2 và hủy một phần Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 6218/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 của UBND huyện N, tỉnh Nghệ An về nội dung cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H1, chị H2.

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Võ Văn N1 và cụ Hoàng Thị X là quyền sử dụng diện tích 855,4$m^2$ đất của một phần thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23, diện tích 964,9$m^2$ tại xóm A (nay là xóm A), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 951035 ngày 12/10/2016 mang tên anh Võ Như H1, chị Nguyễn Thị Kim H2.

4. Buộc anh Võ Như H1, chị Nguyễn Thị Kim H2 trả lại 855,4$m^2$ đất tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23, tại xóm A (nay là xóm A), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An cho các đồng thừa kế của cụ N1, cụ X.

5. Giao cho anh Võ Như H1 và chị Nguyễn Thị Kim H2 được quyền sử dụng

365,4m$^2$ đất ở trị giá 730.800.000 đồng tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23 ở xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (ký hiệu S1 trên sơ đồ).

6. Giao cho ông Võ Như H được quyền sử dụng 245m$^2$ đất ở trị giá 490.000.000 đồng tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23 ở xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (ký hiệu S2 trên sơ đồ).

7. Giao cho anh Võ Minh P, bà Hoàng Thị T2, anh Võ Thanh L, anh Võ Chí G, chị Võ Thị H6 được quyền sử dụng chung 245m$^2$ đất ở trị giá 490.000.000 đồng tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23 ở xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (ký hiệu S3 trên sơ đồ).

(Kích thước và độ dài các cạnh của S1, S2, S3 như sơ đồ kèm theo bản án).

8. Ông Võ Như H và anh Võ Minh P, bà Hoàng Thị T2, anh Võ Chí G, anh Võ Thanh L, chị Nguyễn Thị H13 được quyền sở hữu toàn bộ cây cối trên phần diện tích đất được giao sử dụng.

9. Hiện nay anh H1, chị H2 đang quản lý, sử dụng thửa đất nên anh H1, chị H2 là người có nghĩa vụ thi hành án. Các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích được chia theo quy định của pháp luật đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án dân sự và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/01/2023 bị đơn anh Võ Như H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Bị đơn anh Võ Như H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Thửa đất số 66 là tài sản ông bà nội đã cho vợ chồng anh sử dụng, đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ hợp pháp, khi vợ chồng anh xây nhà vào năm 1988 và xây lần hai vào năm 2000 mọi người đều biết nhưng không ai có ý kiến phản đối nên đây là tài sản riêng của vợ chồng anh; do đó đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có kháng cáo trình bày: Nguyên đơn khởi kiện nhưng không chứng minh được thửa đất số 66 là di sản thừa kế. Thửa đất này cụ N1, cụ X đã cho anh H1 sử dụng từ năm 1988, việc cho tặng chỉ nói miệng, không làm thành văn bản nhưng anh H1, chị H2 đã sinh sống ổn định trên 30 năm, đã làm nhà ở kiên cố 02 lần, các thành viên trong gia đình bên nguyên đơn đều biết bị đơn xây dựng nhà ở nhưng không có ý kiến gì. Quá trình sử dụng đất không tranh chấp với ai, đã kê khai đăng ký và được UBND các cấp công nhận bằng việc cấp GCNQSDĐ từ năm 1997 và sau đó được cấp đổi 02 lần vào năm 2014 và năm 2016; anh H1, chị H2 đã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế và các nghĩa vụ khác của Nhà nước đầy đủ và UBND huyện N xác định việc cấp GCNQSDĐ cho anh H1, chị H2 là đúng quy định của pháp luật. Theo Án lệ số 03 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì có cơ sở công nhận hợp

đồng cho tặng đất bằng miệng của cụ N1, cụ X cho anh H1 là có hiệu lực. Về diện tích đất và hình thể thửa đất đã có sự thay đổi không đúng với đất ban đầu của cụ N1, cụ X để lại. Toà án cấp sơ thẩm xác định ông Võ Như H là bị đơn nhưng không tiến hành các thủ tục tố tụng để lấy ý kiến của ông H là có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đảm bảo quyền lợi cho ông H; bản án sơ thẩm chấp nhận và xác định ông Võ Như N là người giám hộ của ông H là không đúng pháp luật; do đó đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của anh Võ Như H1 là trong thời hạn, đúng quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của anh Võ Như H1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2022/DS-ST ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của anh Võ Như H1 là trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa có mặt 2/3 bị đơn, có mặt người đại diện theo uỷ quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có kháng cáo, vắng mặt 01 bị đơn không kháng cáo; có mặt nguyên đơn không kháng cáo; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần 02, trong đó có người đã uỷ quyền cho người khác tham gia phiên toà, có người có đơn xin xét xử vắng mặt. Trên cơ sở ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên toà và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chia di sản thừa kế và hủy GCNQSDĐ. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 26; khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.4] Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 57 và yêu cầu hủy GCNQSDĐ đối với thửa đất số 57 do UBND huyện N cấp cho ông Võ Như H nên bản án sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với phần nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện là đúng pháp luật.

[1.5] Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu thu thập được, Toà án cấp sơ thẩm nhận định ông Võ Như H (bị đơn trong vụ án) hiện đang bị bệnh tai biến không nhận thức được hành vi của mình, nằm một chỗ, sinh hoạt tại chỗ và chấp nhận sự thoả thuận, thống nhất của các con của ông H về việc cử anh Võ Như N làm người giám hộ cho ông Võ Như H là phù hợp và đã đảm bảo quyền lợi cho ông H.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn anh Võ Như H1, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về nội dung không đồng ý chia thừa kế:

[2.1.1] Về xác định di sản thừa kế: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất thừa nhận thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 03 (theo bản đồ 299), nay là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23 tại xóm A (nay là xóm A), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An có nguồn gốc do cụ Võ Văn N1 và cụ Hoàng Thị X tạo lập khi còn sống nên đây là vấn đề không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Võ Như H1 trình bày khi còn sống cụ N1, cụ X đã cho anh thửa đất trên bằng miệng, không làm giấy tờ, việc hai cụ cho anh thửa đất được sự đồng ý của ông H11; vợ chồng anh đã sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1988 đến nay là đã trên 30 năm, đã làm nhà ở ổn định trên đất hai lần vào các năm 1998, 2000 nhưng không ai có ý kiến gì nên thửa đất này không còn là di sản thừa kế của cụ N1, cụ X. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của anh H1 thể hiện: Vào năm 1988, khi anh H1 lấy vợ và đến sống cùng với cụ X thì cụ N1 đã chết nên anh H1 cho rằng hai cụ bao gồm cả cụ N1 và cụ X cho vợ chồng anh thửa đất này là không phù hợp. Anh H1 trình bày cho rằng hai cụ N1 và cụ X cho vợ chồng anh thửa đất này được sự đồng ý của ông H11 nhưng không có tài liệu chứng cứ, chứng minh. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H1, chị H2 đề nghị áp dụng Án lệ số 03 do Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao công bố để công nhận việc cụ N1, cụ X cho tặng anh H1 đất bằng miệng trong trường hợp này là không phù hợp nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế của cụ N1, cụ X là có cơ sở pháp luật.

[2.1.2] Về xác định diện tích đất thừa kế: Trong quá trình sử dụng đất, anh H1, chị H2 đã được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ số I 799293 ngày 01/01/1997, diện tích 740m$^2$; cấp đổi lại 02 lần vào năm 2014, 2016 có diện tích 964,9m$^2$ đất; tại Biên bản thẩm định, định giá tài sản ngày 14/01/2021 xác định thửa đất có diện tích là 964,9m$^2$. Theo UBND huyện N và UBND xã N xác định

thì diện tích thửa đất tăng lên 224,9m$^2$ so với diện tích đã được cấp theo Nghị định 64/CP, nguyên nhân tăng do có 115,4m$^2$ là sai số khách quan qua các lần đo đạc và có 109,5m$^2$ tăng do anh Võ Như H1 tự khai phá sang thửa đất phía Đông (thửa số 1124, tờ bản đồ số 03). Bản án sơ thẩm xác định di sản thừa kế của cụ N1, cụ X là một phần diện tích 855,4m$^2$ đất thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23, tại xóm A (nay là xóm A), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An là có căn cứ.

[2.1.3] Về việc phân chia di sản thừa kế: Cụ Võ Văn N1 và cụ Hoàng Thị X chết không để lại di chúc nên bản án sơ thẩm chia di sản thừa kế của cụ N1, cụ X cho những người được hưởng thừa kế theo pháp luật là đúng quy định pháp luật. Trên cơ sở ý kiến về việc nhận, cho, tặng phần di sản thừa kế của những người được hưởng thừa kế, hiện trạng di sản thừa kế và các tài sản trên đất thừa kế; sau khi trích công sức quản lý, tôn tạo di sản thừa kế cho người có công quản lý, tôn tạo di sản thừa kế; bản án sơ thẩm chia di sản của cụ N1, cụ X là phần diện tích đất 855,4m$^2$ thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23, tại xóm A (nay là xóm A), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An cho các thừa kế nhận sử dụng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2.1.4] Đối với kỷ phần thừa kế của ông Võ Như H đã được bản án sơ thẩm xem xét, quyết định giao cho được quyền sử dụng 245m$^2$ đất ở trị giá 490.000.000 đồng tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23 ở xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An là đã đảm bảo quyền lợi đầy đủ cho ông H. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có kháng cáo trình bày tại phiên toà và anh Võ Như N có đơn trình bày thừa nhận ông H bị bệnh tật, già yếu nhưng cho rằng bản án sơ thẩm xác định anh Võ Như N làm người giám hộ cho ông H là chưa đúng ý chí, nguyện vọng và chưa đúng pháp luật dẫn đến chưa đảm bảo quyền lợi cho ông H là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về nội dung kháng cáo không đồng ý huỷ GCNQSDĐ số CD 951035, ngày 12/10/2016 của UBND huyện N, tỉnh Nghệ An cấp cho anh Võ Như H1 và chị Nguyễn Thị Kim H2: Như đã phân tích tại mục [2.1], một phần diện tích 855,4m$^2$ trong thửa đất số 1128, tờ bản đồ số 03 (nay là thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23) tại xóm A (nay là xóm A), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An được xác định là di sản thừa kế của cụ N1, cụ X và yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn được chấp nhận nên GCNQSDĐ số CD 951035 ngày 12/10/2016 do UBND huyện N, tỉnh Nghệ An cấp cho anh Võ Như H1, chị Nguyễn Thị Kim H2 là xác định chưa đầy đủ người được quyền sử dụng đất. Vì vậy, bản án sơ thẩm tuyên hủy GCNQSDĐ số CD 951035 ngày 12/10/2016 do UBND huyện N, tỉnh Nghệ An cấp cho anh Võ Như H1, chị Nguyễn Thị Kim H2 và một phần Quyết định số 6218/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 về nội dung cấp đổi GCNQSDĐ cho anh Võ Như H1, chị Nguyễn Thị Kim T7 là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Bản án sơ thẩm nhận định việc cấp GCNQSDĐ cho anh H1 năm 1997 không đúng pháp luật nên việc cấp đổi GCNQSDĐ năm 2014 và 2016 cũng không

đúng pháp luật; tuyên huỷ GCNQSDĐ số CD 951035, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02225/QĐ6218/2016, ngày 12/10/2016 nhưng không tuyên huỷ GCNQSDĐ số I 799293, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00232QSDĐ/181/UBND, ngày 01/01/1997, do UBND huyện N cấp cho anh Võ Như H1 và không tuyên huỷ GCNQSDĐ số BV 288512, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 01512/UBND 2171/2014, ngày 15/7/2014, do UBND huyện N cấp cho anh Võ Như H1 và chị Nguyễn Thị Kim H2 là không giải quyết triệt để vụ án nên Hội đồng xét xử sửa lại bản án sơ thẩm cho phù hợp. Xét thấy vi phạm này của bản án sơ thẩm là không nghiêm trọng, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án nhưng cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong công tác xét xử.

[2.4] Đối với diện tích đất anh H1, chị H2 đã chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn T5 và chị Trần Thị Khánh H9: Trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyễn Văn T5 và chị Trần Thị Khánh H9 không có yêu cầu độc lập nên bản án sơ thẩm dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác khi có yêu cầu là phù hợp pháp luật.

[3] Với các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Như H1, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhưng sửa lại bản án sơ thẩm như đã phân tích nêu trên.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Anh Võ Như H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn anh Võ Như H1 nhưng sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2022/DS-ST ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, như sau:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của anh Võ Minh P về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 407063, số vào sổ cấp giấy CH 03088/2019 ngày 29/01/2019, do UBND huyện N cấp cho ông Võ Như H và yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 57, tờ bản đồ số 23, diện tích 1.148,6m$^2$, địa chỉ tại xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

2. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Võ Minh P về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 951035, vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 02225/QĐ

6218/2016 ngày 12/10/2016, đối với thửa số 66, tờ bản đồ số 23, diện tích 964,9m$^2$, địa chỉ tại xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An do UBND huyện N cấp cho anh Võ Như H1 và chị Nguyễn Thị Kim H2 và hủy một phần Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 6218/QĐ-UBND ngày 12/10/2016 của UBND huyện N, tỉnh Nghệ An về nội dung cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H1, chị H2.

3. Huỷ các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 799293, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00232QSDĐ/181/UBND ngày 01/01/1997, do UBND huyện N cấp cho anh Võ Như H1 và huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 288512, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 01512/UBND 2171/2014 ngày 15/7/2014 do UBND huyện N cấp cho anh Võ Như H1 và chị Nguyễn Thị Kim H2.

4. Xác định di sản thừa kế của cụ Võ Văn N1 và cụ Hoàng Thị X là diện tích 855,4m$^2$ đất, thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23, diện tích 964,9m$^2$ tại xóm A (nay là xóm A), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

5. Buộc anh Võ Như H1, chị Nguyễn Thị Kim H2 trả lại 855,4m$^2$ đất tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23, địa chỉ tại xóm A (nay là xóm A), xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An cho các đồng thừa kế của cụ N1, cụ X.

6. Giao cho anh Võ Như H1 và chị Nguyễn Thị Kim H2 được quyền sử dụng 365,4m$^2$ đất ở, trị giá 730.800.000 đồng tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23, địa chỉ tại xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (ký hiệu S1 trên sơ đồ).

7. Giao cho ông Võ Như H được quyền sử dụng 245m$^2$ đất ở, trị giá 490.000.000 đồng tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23, địa chỉ tại xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (ký hiệu S2 trên sơ đồ).

8. Giao cho anh Võ Minh P, bà Hoàng Thị T2, anh Võ Thanh L, anh Võ Chí G, chị Võ Thị H6 được quyền sử dụng chung 245m$^2$ đất ở, trị giá 490.000.000 đồng tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 23, địa chỉ tại xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (ký hiệu S3 trên sơ đồ).

*(Kích thước và độ dài các cạnh của S1, S2, S3 như sơ đồ kèm theo bản án sơ thẩm).*

9. Ông Võ Như H và anh Võ Minh P, bà Hoàng Thị T2, anh Võ Chí G, anh Võ Thanh L, chị Nguyễn Thị H13 được quyền sở hữu toàn bộ cây cối trên phần diện tích đất được giao sử dụng.

10. Hiện nay anh H1, chị H2 đang quản lý, sử dụng thửa đất nên anh H1, chị H2 là người có nghĩa vụ thi hành án. Các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích được chia theo quy định của pháp luật về đất đai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

11. Về án phí: Anh Võ Như H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0012657 ngày 12/01/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

12. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

13. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND tỉnh Nghệ An;*
- *Cục THADS tỉnh Nghệ An;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, HCTP.*

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Tiến Dũng**